

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 42

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta vẫn đang nghe đến kinh văn số 52

Kinh văn 52 **“Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp”** (Nghĩa là: Dùng giác chi trang nghiêm, nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp).

Đoạn này nói về “Thất Bồ Đề Phần” trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tức là bảy điều gồm Niệm, Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Định và Xả. Và đang nghe dở đến điều thứ 2 trong thất bồ đề phần là “Trạch pháp giác chi”: Trạch là chọn lựa, nếu nói đơn giản là chọn pháp lành để tu pháp dữ để tránh. Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về nội dung trạch pháp này.

Phạm vi bao quát của “trạch pháp” vô cùng rộng lớn, bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chúng ta ngay trong đời này ví dụ như cầu học hay làm việc đều cần trí huệ thận trọng khi lựa chọn.

Về tiêu chuẩn lựa chọn, Phật pháp sẽ cho chúng ta khảo thị, đó là có thể phân biệt giả – chân, phải chọn “chân” không nên chọn “giả”, cũng giống như chọn “thiện”, không chọn “ác”. Chúng ta nên chọn lấy điều lợi cho chúng sanh, cho xã hội; quyết không chọn điều tổn hại chúng sanh, tổn hại xã hội. Lựa chọn như vậy mới thực đạt đến mức đoạn ác tu thiện, tu công tích đức. Từ trong cuộc sống, công việc cho đến đối nhân, xử thế, tiếp vật chúng

ta phải lựa chọn thiện lành mà theo cách nói của người đời nay là phải biết nắm bắt cơ hội, còn Phật pháp gọi là cơ duyên, nắm bắt cơ duyên. Cơ duyên thù thắng không dễ gì gặp được, nên khi cơ duyên hiện tiền nếu chúng ta không nắm bắt thì chỉ trong sát na sẽ vụt mất, về sau muốn có lại cơ duyên khó vô cùng. Tu học pháp môn cũng không ngoại lệ, phải nắm bắt cơ hội hoàn cảnh học tập mới có thể thành tựu.

Đối với pháp môn tu học lại càng phải thận trọng. Trong một đời chuyên tâm khổ công vào một bộ Kinh, làm “chuyên gia” chứ không làm “thông gia”. Chuyên đến một trình độ nhất định thì tự ất sẽ thành thông rồi. Người xưa có câu: “nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông” (nghĩa là: một kinh thông, thì tất cả các kinh khác đều thông). Được “nhất thiết kinh thông” rồi thì vẫn chú tâm để làm “chuyên gia” không làm “thông gia”. Ấy thực là đại từ đại bi, là tấm gương cho việc tu học đời sau. Đừng khiến cho hậu học thấy “chúng ta mọi thứ đều thông, mỗi thứ đều giảng nhưng tại sao muốn tôi học một thứ”, họ sẽ sanh hoài nghi.

“Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham” trong Kinh Hoa Nghiêm chính là ví dụ. Thực tế mà nói, năm mươi ba vị thiện tri thức đều thông cả rồi, Thiện Tài Đồng Tử tham vấn một vị được rồi, hà tất phải tham vấn cả năm mươi ba vị? Mà mỗi vị thị hiện ấy đều là chuyên gia chứ không phải thông gia, dụng ý chính là ở chỗ này.

Các vị ấy luôn suy niệm vì lợi ích chúng sanh, lợi ích hậu học, tuyệt không có ý lợi dụng riêng mình. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, ví như ngay cả các vị cùng tu học phát tâm nghĩ đến pháp môn khác, nhưng thật tìm không được người dạy, thì những trường hợp này đành phải chịu không cần nói đến. Nhưng ví như pháp môn này vẫn còn có người dạy và hiển nhiên là phải dạy tốt, thì nếu chúng ta không dạy được thì chúng ta sẽ giới thiệu bạn tu học của mình đến nơi khác để tham học.

Chúng ta thấy trong “Cao Tăng Truyện” kể có người đến tham học, sau khi gặp vị lão hoà thượng, lão hoà thượng liền nói với người ấy rằng:

- Duyên học của anh không phải ở chỗ tôi, anh nên tìm đến nơi khác với một vị thầy khác.

Vậy là anh ta tìm đến một nơi khác và ở đó tu học ba năm, năm năm thì thực sự khai ngộ rồi chứng quả.

Vậy nên “trạch pháp” vô cùng rộng lớn, học Phật càng phải lựa chọn thận trọng. Nhiều người học Phật nhưng lại không nhận thức rõ ràng, cứ xem việc bói toán, lên đồng là học Phật, thậm chí là xem Pháp Luân Công cũng cho rằng học Phật, thật là một sự sai lầm lớn! Không có trí huệ, không có năng lực trạch pháp (là chọn lựa pháp), mà người người đều như vậy thì khác nào đi vào con đường sai lầm, rồi dẫu có biết hồi đầu thì cũng đã lãng phí rất nhiều thời gian và tinh lực của bản thân.

Thứ ba “Tấn giác chi”.

(nghĩa là: Tinh tấn: Khi đã chọn được pháp môn để tu rồi thì phải tinh tấn, là luôn luôn dũng tiến trên bước đường tu tập, không quản ngại gian lao khó nhọc, không khiếp sợ, không thoái chuyển, không tự mãn, tự cao mà bỏ dở mục đích chưa đạt được - Trích Phật Học Phổ Thông - HT Thích Thiện Hoa)

Chú giải viết “Tu đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, chánh bất chánh hạnh, bất mậu hạnh ư vô ích chi khổ hạnh, thường cần hành tại chân pháp trung, cố danh tinh tấn” *(Nghĩa là: tu các đạo pháp thì khéo hiểu rõ chánh hạnh và bất chánh hạnh, chẳng thực hành làm các khổ hạnh vô ích, thường siêng hành chân pháp nên gọi là “tinh tấn”)*.

Đây chính là “thiện năng giác liễu” (là khéo hiểu rõ) “chánh bất chánh hạnh” cái nào là chánh hạnh, cái nào không phải là chánh hạnh; chánh hạnh là phải tinh tấn, không chánh hạnh thì phải xả bỏ.

“Bất mậu hạnh ư, vô ích chi khổ hạnh” (là chẳng thực hành làm các khổ hạnh vô ích). Không tu mà khổ hạnh thì cũng vô ích dù sự khổ hạnh là điều mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán, nó giúp giảm bớt dục vọng của một cá nhân, gìn giữ tâm đạo không thoái lui, nhưng khổ hạnh lại không lợi ích gì cho sự tu học của chúng ta thì đó là không cần thiết. Điều này chúng ta phải hiểu cho thật rõ ràng.

Tuy nhiên, vì mỗi người mỗi căn tánh khác nhau, nên có khi phương pháp tu của họ không thích hợp với ta, phương pháp tu học của ta cũng không thích hợp với họ. Vậy nên mới nói “quán cơ” là điều không dễ dàng,

không những quán cơ không dễ mà đến ngay cả tự hiểu mình cũng tương đối khó. Nhận thức được căn tánh bản thân rồi mới lựa chọn được pháp môn khế hợp với căn tánh của mình, cho nên khế cơ khế lý vô cùng quan trọng. Chúng ta mới bắt đầu vào cửa Phật, để hiểu biết sơ bộ về các tông phái nên xem qua một lượt rồi sau mới cẩn thận lựa chọn. Có khi cẩn thận lựa chọn cũng chưa chắc phù hợp, vì không rõ căn tánh bản thân, cứ thấy pháp môn của người khác tu học tốt, liền vô cùng ngưỡng mộ, rồi muốn học theo. Vấn đề là có thể học thành công không? Nếu học mà không thành công thì ấy không phải khế cơ. Đã không thích hợp căn tánh mà ta vẫn miến cưỡng học thì chắc chắn lãng phí thời gian, tinh lực, đến cuối cùng chẳng việc gì thành.

Trước kia tôi chưa học Phật, tôi rất thích đọc sách, nên sau khi tiếp xúc Phật giáo phần lớn nghiêng về Giáo Hạ. Ban đầu Ông Phương Đông Mỹ trong lúc dạy học đã giới thiệu với tôi rằng “Phật giáo có hai môn học mà thế gian vô cùng hy hữu, một môn là Tánh tông, một môn là Tướng tông. Tánh tông lấy Thiền tông làm đại biểu, Tướng tông lấy Pháp tướng duy thức làm đại biểu. Vậy nên khi mới tiếp xúc Phật giáo tôi đặc biệt để ý hai môn này.

Về sau khi đã từ bỏ công việc, tôi cũng có ý xuất gia chuyên tu theo điển tịch Giáo Hạ. Tôi ở cùng với Pháp sư Sám Vân trong am tranh được năm tháng rưỡi thì Pháp sư Sám Vân giới thiệu Pháp môn Tịnh độ cho tôi. Lúc đó tôi khó mà tiếp nhận vì sở thích của tôi không phải pháp môn này. Ngài mang ra ba quyển sách muốn tôi làm phán khoa. Ba quyển đó là: A Di Đà Kinh Sớ Sao, Di Đà Kinh Yếu Giải và Di Đà Kinh Viên Trung Sớ. Tôi phán khoa ba quyển Kinh dựa theo chú giải của Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích, Đại sư U Khê, chỉnh sửa vẽ thành biểu giải. Sau khi làm phán khoa xong, thấy được kết cấu chương pháp, hệ tư tưởng của Kinh điển, tôi sanh tâm vô cùng hoan hỷ, nhưng vẫn chưa có ý định đi học. Thời gian sống trên núi, Ngài hướng dẫn tôi đọc hai tập Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Việc này vô cùng thọ dụng. Quan niệm của tôi về Tịnh độ cũng thay đổi. Lúc trước xem thường Tịnh độ, sau khi đọc xong Văn Sao tôi không dám xem thường nữa, hiểu được nội dung bên trong là tri thức lớn, cũng có một chút tín tâm, nhưng vẫn chưa phát tâm theo học Tịnh độ. Sau khi rời khỏi Pháp sư Sám Vân, thân cận thầy Lý Bình Nam, thầy ấy giảng giải tường tận cho tôi hiểu lý luận của Tịnh độ, thì sự nghi hoặc của tôi về pháp môn này đoạn trừ, lúc này mới nỗ lực học tập Tịnh độ. Chọn Pháp môn này việc tu học mới tinh tấn mà không giải đãi.

Thứ tư “Hy giác chi”.

(Nghĩa là: Hoan hỷ: Khi đã tinh tấn tu hành đoạn trừ được dần phiền não thành tựu vô lượng công đức, do đó sanh tâm hoan hỷ và phấn chí tu hành – Trích: Phật Học Phổ Thông - HT Thích Thiện Hoa)

Chú giải viết: “Tâm đắc pháp hỷ thời, thiện năng giác liễu, bất tùy điên đảo chi pháp nhi sanh hỷ trụ chân pháp hỷ, cố danh hỷ (Nghĩa là: nếu tâm được pháp hỷ thì khéo hiểu rõ niềm vui ấy, chẳng sinh lòng vui theo pháp điên đảo, trụ vào pháp hỷ chân thật nên gọi là Hỷ).

Phải thật sự có định, có giác mới có thể được hoan hỷ. “Hy giác chi hiện tiền” chính là “pháp hỷ sung mãn”, “thường sanh tâm hoan hỷ”.

Khi tôi dạy Kinh Mân Côi ở giáo đường Thiên Chúa giáo, một vị nữ tu nói với tôi rằng:

- Ngày nay tín đồ không có lòng nhẫn nại nghe giảng Kinh, nếu có một bài học giảng quá dài, mọi người liền thấy mệt mỏi, không muốn đến nghe.

Tôi đáp lời vị ấy rằng:

- Khi tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm (đại khái giảng được mười mấy năm), Phật tử đều muốn đến nghe mà không muốn bỏ đi. Nguyên nhân việc này là gì? Vì chúng ta thật lòng muốn giúp người giác ngộ, người mỗi ngày nghe giảng pháp, nghe xong liền “pháp hỷ sung mãn” còn nếu không thích nghe thì sao họ đến cho được?

Vậy làm thế nào để giảng Kinh được hay khiến người sanh tâm hoan hỷ? Trước hết chính mình phải khế nhập cảnh giới, chúng ta không nhập cảnh giới thì không “pháp hỷ” được, sao có thể chia sẻ pháp hỷ với người khác? Hơn nữa tầm nhìn phải rộng, tâm lượng phải lớn mới có thể pháp hỷ; tầm nhìn hẹp, tâm lượng nhỏ, mỗi ngày đều sanh phiền não làm sao mà được pháp hỷ!

Chúng ta không nên giới hạn trong một đạo tràng, không hạn định chỉ trong Phật giáo; thế giới với nhiều tôn giáo khác nhau, văn hóa tộc người khác nhau, chúng ta đều nên học qua. Như vậy chắc sẽ có đồng học hỏi tôi:

- Liệu vậy có phải là tập tu không?

- Không phải, vẫn phải nhất môn thâm nhập; vì nếu không nhất môn thâm nhập thì không thể có được định huệ. Nên hiện nay tuy chúng ta cùng nhau tham gia nhiều hoạt động tôn giáo chủng tộc, nhưng chúng ta là tùy hỷ, không lãng phí thời gian, tinh lực ở chỗ này, nếu không chúng ta sẽ biến nó thành tập tu. Tùy hỷ là sao? Tùy hỷ là xem nhiều, hiểu nhiều có điểm tốt. Tốt ở điểm nào? Tâm lượng được lớn, tầm nhìn được rộng. Vậy đến khi nào mới dụng tâm theo học? Khi định, huệ của bản thân khai mở rồi thì hiểu biết về Kinh điển của các tôn giáo khác hay của Phật giáo cũng đều không uổng phí; như chúng ta xem trong truyện ký có tích Bồ Tát Long Thọ chỉ mất ba tháng để học thông đạt tất cả Kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy trong 49 năm vậy.

Tôi chuẩn bị bài giảng Kinh Môn Côi, viết xong ba trang giảng nghĩa phải dùng sáu tiếng đồng hồ, nhưng nếu thời gian cho phép tôi có thể giảng trong ba mươi tiếng. Năng lực này từ đâu có? Là nhờ vào mười năm theo học thân cận với thầy Lý Bình Nam. Mười năm chuyên tâm thâm nhập một môn là Tam học giới – định – huệ một lần là hoàn thành. Do đó học là phải chuyên sâu nếu không từ chỗ này cắm rễ thì đức hạnh học vấn của chúng ta khó mà thành tựu, chỉ toàn học được bề nổi thôi. Sự học chỉ có bề nổi thì chẳng ích gì, phải thực sự khai mở trí huệ thì khi mới vừa tiếp xúc liền thông đạt, mọi loại chướng ngại đều không có. Tức là tất cả các pháp xuất thế gian đều chưa từng tiếp xúc qua, nhưng vừa mới tiếp xúc liền thông đạt, như vậy mới được pháp hỷ sung mãn, vĩnh viễn đoạn hết ưu bi khổ não.

Thế giới dù động loạn không an, nhưng tâm cảnh ta vĩnh viễn bình an. Đó là vì đâu? Vì chúng ta bình đẳng, giữ được tâm bình lặng mà đối diện bất kỳ cảnh giới nào tâm cũng không gợn sóng. Quả báo của “bình” là “an”, bất luận cảnh giới nào cũng vĩnh viễn bình an, vĩnh viễn hoan hỷ. Tất cả chúng sanh thế gian đều không được bình an, nhưng chúng ta có thể khế nhập cảnh giới Phật pháp rồi nên chúng ta được bình an, còn họ vẫn phiền não. Mỗi ngày chúng ta đều sanh tâm hoan hỷ nên có khả năng giúp họ, có khả năng thông hiểu Kinh giáo khác nhau. Điều này nghe có vẻ vô cùng mâu thuẫn nhưng trên thực tế không có chút vấn đề trở ngại gì cả, đây là **“lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”** mà Kinh Hoa Nghiêm dạy vậy.

Tóm lại, chúng ta phải “giác”, muốn giác thì phải phá sạch mê, vì mê là chướng ngại giác. Giác là điều vốn có, là đức hạnh của tự tánh vốn có, như Kinh điển dạy **“Trí huệ bát nhã vốn có đầy đủ trong bản tánh”**. Đây là cội nguồn của giác. Ngày nay chúng ta không giác là do tâm tánh bị ô nhiễm, lấy cảnh giới hiện tiền của chúng ta mà nói, cội nguồn của ô nhiễm là tự tư tự lợi, nên tôi thường khuyên mọi người phải xả bỏ tự tư tự lợi là vậy. Sao tôi lại khuyên như vậy? Vì tôi hy vọng các vị đồng tu đời này có thể “Phật đạo viên thành”, có vậy chúng sanh mới được cứu giúp; mọi người đều thành hóa thân chư Phật Như Lai, đến thế gian cứu khổ cứu nạn. Đặc biệt trong xã hội ngày nay, chúng sanh mê hoặc quá nghiêm trọng, phải có người đến cứu họ, vậy ai đến cứu họ? Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa thân đến cứu. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa thân nơi nào? Chúng ta tự thân phải gánh vác. **“Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”**, đây là Kinh Đại thừa dạy lời chân thật; chỉ cần chúng ta buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chúng ta chính là Phật.

Cái khó hiện nay là chúng ta không chịu buông bỏ. Việc này người khác không giúp ta được, chư Phật Như Lai không giúp ta được, Thượng Đế Thần linh cũng không giúp ta được, việc này là của bản thân ta. Chúng ta phải thật sự giác ngộ mới buông bỏ được; chưa giác ngộ triệt để là vì trước mắt xem trọng lợi – hại, được – mất mà không biết rằng những thứ này đều là giả cả.

Kinh Bát nhã dạy: **“Phàm có tướng đều là hư vọng”**, bao gồm cả thân thể này cũng không phải thật, cũng là hư vọng, chúng ta khởi tâm động niệm bảo dưỡng thân này là một quan niệm sai lầm. Những thứ hư vọng hà tất phải bảo dưỡng? Cứ để mặc nó, thuận theo tự nhiên, nó là bình thường. Lời Kinh dạy rất hay: **“Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh”**, còn Kinh Hoa Nghiêm nói là **“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”**. “Thức” ở đây chính là tâm tưởng, những hiện tượng biến hóa này là từ tâm tưởng sanh, là do thức biến hiện. Cho nên chúng ta phải giữ tâm được “bình thường”, cái gọi là “bình thường” chính là không thêm mảy may ý nghĩ gì bên trong, thêm vào một chút ý tưởng tức là không bình thường.

Đạo lý này nghe rất nhiều nhưng với cảnh giới hiện tiền thì chúng ta không giữ được, vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn có vọng tưởng, chấp trước. Đây là nguyên nhân làm chúng ta không thể giải quyết được vấn đề. Hai chữ “Tùy duyên” đâu dễ làm được! Chư Phật Bồ Tát tùy duyên ứng hóa ở thế gian, chắc chắn không phan duyên. Phạm phu lục đạo chắc chắn là phan duyên, không hiểu được tùy duyên nên dù họ có tùy duyên cũng thành phan

duyên. Chúng ta quán sát kỹ chư Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát phan duyên cũng là tùy duyên. Vì diệu không thể bàn! Điểm khác nhau là ở chỗ dụng tâm khác nhau: chư Phật Bồ Tát dụng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng; chúng ta dụng tâm vọng, tâm ô nhiễm, tâm cao thấp, nên tùy duyên đều biến thành phan duyên.

Quan niệm lý luận trung tâm tu học của Phật giáo Đại thừa, nguyên lý nguyên tắc là lìa Tâm – Ý – Thức mà “tham cứu”. Tham cứu là lìa Tâm – Ý – Thức, lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Người hiểu cách tu chân thật này lại không nhiều, nguyên nhân là vì không buông xả được tự tư tự lợi. Nếu buông bỏ được tự tư tự lợi, buông bỏ được thị – phi, nhân – ngã, buông bỏ được ngũ dục lục trần, tham, sân, si, mạn, liền biết dùng quán. Biết dùng quán rồi thì có thể đạt được định huệ rất mau. Tuy nhiên trình độ định huệ có nông sâu không đồng, có thể nói từ Tiểu thừa Tu Đà Hoàn đến Phật quả Viên giáo thì thứ bậc định – huệ cũng khác nhau, nông, sâu, rộng, hẹp đều khác biệt, cho nên học không có điểm dừng, không thể đầy đủ là vì vậy.

Thứ năm “Khinh An Giác Chi”.

(“Khinh” là nhẹ nhàng, an ổn. Nhờ sự tinh tấn tu tập nên thân tâm được thanh tịnh. Do đó người tu hành cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái, khinh an như đã trút được gánh nặng dục vọng mê mờ – Trích: Phật Học Phổ Thông - HT Thích Thiện Hoa)

Chú giải viết: “Đoạn trừ thân khẩu thô trọng cố, diệt vi diệt trừ chư kiến phiền não cố, diệt danh vi y nhu thuận nhi vô cường bạo cố”

(Nghĩa là: Dứt bỏ những hành động và lời nói thô lỗ, nặng nề, cũng trừ được các Kiến Hoặc phiền não, thân tâm nhu hòa, tùy thuận, không nóng nảy) chính là cảnh giới khinh an).

Khinh an chính là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là biểu hiện của công phu đắc lực. Luận Ngữ có câu “Bất diệc duyệt hồ” (nghĩa là chẳng phải vui lắm sao), đây cũng là cảnh giới của khinh an. Cái vui này không phải từ bên ngoài mà có, cái vui bên ngoài gọi là “lạc”; còn niềm vui xuất phát từ công phu nội tâm hiển lộ ra gọi là “duyet”. “Duyệt” và “lạc” mới nhìn có vẻ giống nhau nhưng thực tế cái gốc không hề giống.

Làm sao để được khinh an? Chú giải có nêu ra ba ví dụ:

Một là “*Đoạn trừ thân, khẩu thô trọng cổ*” (nghĩa là: *dứt bỏ những hành động và lời nói thô lỗ, nặng nề*).

Trong tam nghiệp thì có 2 nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp, nếu là được thì đã là được phần nào thô trọng rồi, hay nói cách khác là đã là được ba loại lỗi lầm của thân, và bốn loại lỗi lầm của miệng. Tuy cái gốc chưa đoạn nhưng ít nhất không khởi hiện hành, thì có thể được khinh an, được hỷ duyệt. Thật làm được không vọng ngữ, không lừa gạt người khác và đương nhiên cũng không tự gạt bản thân. Người thế gian tạo nghiệp nặng nhất không ngoài lừa mình gạt người, xem như phạm vào điều đầu tiên của khẩu nghiệp.

Nhân sinh sự việc chân thật an vui như lời ông Tư Mã Quang nói: “*Sự vô bất khả cáo nhân ngôn*” (nghĩa là không gì không thể cho người biết). Ông ấy làm được vậy, vì tâm địa ông quang minh chánh đại, việc làm một đời ông không việc nào mà không thể cho người khác biết. Chúng ta thử nghĩ xem ông ta an vui biết dường nào! Nếu ta làm việc gì mà còn không thể để người khác thấy, không dám để người khác biết thì tâm tư khổ ải làm sao có thể hỷ duyệt được!

Cho nên tu hành điều đầu tiên phải “Không gạt mình, không lừa người”. Kinh Vô Lượng Thọ dạy rằng “***Khéo giữ Tam nghiệp***” thì điều đầu tiên là “***Khéo giữ khẩu nghiệp***”. Lời dạy này ý nghĩa vô cùng sâu vì thân – khẩu – ý tạo nghiệp thì khẩu nghiệp là điều dễ phạm nhất, dễ tạo nhất và nghiêm trọng nhất vậy, nên Phật mới xếp nó đầu tiên, rồi mới đến điều thứ hai là “không lường thiệt (nghĩa là Không hai lời)”. Tuyệt đối không khiêu khích thị phi, trước mặt bên A thì nói B quấy, trước B thì nói A quấy. Việc thế ấy quyết không làm vì nó tổn hại tánh đức, biết bao tội nghiệp nặng là do việc nói hai lời mà ra. Cho nên, tâm tạp lời thừa nhất định phải phòng ngừa, chuyện riêng của người không được nghe ngóng tò mò, kể cả nghe cũng không được.

Trường hợp ta không nghe, nhưng người cứ nói với ta thì phải làm sao? Chúng ta cũng không thể bắt họ đừng nói, nếu vậy thì ta cứ “nghe mà không nghe vậy”. Họ nói chúng ta đều nghe, ta cũng gật đầu nhưng một chữ cũng không cho vào tai_ đây mới là công phu thật sự. Thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, nên chư Phật, Bồ Tát mới có thể hòa quang đồng trần với tất

cả chúng sanh. Đây chính là “đồng sự nhiếp” trong Tứ nhiếp pháp. Công phu ấy, bản lĩnh ấy mới thực là cao!

Đó là công phu gì? Là “Ái, Thủ, Hữu” trong thập nhị nhân duyên. Cùng làm việc, chung sống với tất cả chúng sanh có “Ái”, có “Thủ” không có “Hữu” vì “Hữu” là chủng tử trong A Lại Da thức. Khi lục căn tiếp xúc lục trần mà trong tâm không lưu ấn tượng gì, nên không lưu chủng tử. Đây là điều cao minh nhất. Người đời thường nói “bất tẩu tâm” (*nghĩa là: không để tâm chạy lung tung*), vậy thì tâm thanh tịnh biết bao! Chúng ta thấy việc tốt, việc thiện thì chúng ta chăm chỉ noi theo; thấy người bất thiện thì hoàn toàn không lưu giữ chút gì vào A Lại Da Thức, như thế mới có thể được pháp hỷ, được khinh an.

Con người sống trong hỷ lạc không dễ sanh bệnh cũng không dễ già yếu. Vì già bệnh đến từ đâu? Từ âu lo, phiền não mà có. Người nhiều sầu lo, vương bận, phiền não thì dễ già yếu và dễ sanh bệnh; sống trong cảnh giới khinh an, hỷ lạc thì không dễ sanh bệnh và không dễ bị già yếu. Đây là lợi ích đầu tiên mà người học Phật có được. Lợi ích này vô cùng thực tế, chỉ cần chăm chỉ tu học chắc chắn đạt được, hướng hồ nó cũng không quá khó, vì đây là công phu thấp nhất. Sau khi chúng ta đạt được rồi tự ắt sẽ “pháp hỷ sung mãn”, tự nhiên dừng mãnh tính tấn vì tự mình nếm được vị ngọt của pháp hỷ sung mãn. Học Phật mà càng học càng khổ não thì đó là không được pháp hỷ, khinh an; Nói cách khác đó là tu học không như pháp, chắc chắn đi ngược với lý luận và phương pháp Phật giáo. Nếu tu học như pháp thì bất luận tu học pháp môn nào đều có thể đạt được khinh an. Chúng ta phải thường xuyên lấy việc này tự đánh giá công phu của mình.

Hai là “*Diệt trừ chư kiến phiền não*” (là trừ được các Kiến Hoặc phiền não): Câu này đặc biệt nói về “Kiến hoặc”. Kiến hoặc nghĩa là cách nhìn và kiến giải sai lầm. Chúng ta ở Singapore những năm gần đây cùng qua lại rất nhiều tôn giáo khác nhau. Những tôn giáo này đều rất nhiệt tâm làm nhiều việc từ thiện xã hội. Chúng ta thấy vậy cũng hoan hỷ và tôn trọng họ, chúng ta mang tài vật hiệp trợ cùng họ. Nhiều người thấy vậy thì cho rằng việc đó không nên làm. Đây là một kiến giải sai lầm. Còn có người đến hỏi tôi:

- Sao phải làm như vậy? Sao lại mang tiền tặng các tôn giáo khác?

Tôi đáp rằng:

- Đức Phật dạy chúng ta là “chúng sanh vô biên thế nguyên độ”. Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo có phải là chúng sanh không? Vậy có nên độ họ không? Nên bố thí hay không, nên cúng dường hay không?

Muốn tiêu trừ kiếp nạn thế gian con người nhất định phải chung sống hòa thuận với nhau. Mỗi ngày chúng ta nói hòa bình, hòa là chung sống hòa thuận mà nền tảng của việc chung sống hòa thuận là “hành xử bình đẳng”. Chúng ta không bình đẳng với người khác, cho rằng tôi cao, tôi to còn người thì nhỏ bé thấp kém thì thế giới này vĩnh viễn không có hòa bình. Tâm ta có cao thấp, ấy là tâm không bình đẳng thì sao có thể chung sống hòa thuận cùng chúng sanh? Huống hồ Kinh Phật dạy **“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, phàm có Phật tánh đều là Phật”**. Vậy thử hỏi tín đồ Cơ Đốc giáo có Phật Tánh không? Tín đồ Thiên Chúa giáo có Phật Tánh không? Họ đều có! Hết thấy họ đều là Phật tương lai, còn chúng ta hôm nay bố thí cúng dường là cúng dường Phật tương lai. Nên nếu chúng ta thật sự thấu suốt chân thật nghĩa của Như Lai thì không thể nào không yêu mến tất cả chúng sanh, không thể nào không toàn tâm toàn lực giúp đỡ tất cả chúng sanh. Có gì lại tổn hại họ, chướng ngại họ! Tu hành trước tiên là phải đem kiến giải sai lầm sửa đổi lại.

Ba là “*Y nhu thuận nhi vô cường bạo*” (nghĩa là: Thân tâm nhu hòa tùy thuận, không nóng nảy) chính là cảnh giới khinh an.

Do đó có thể thấy chúng ta muốn đạt được cảnh giới này, hy vọng cuộc sống này được pháp hỷ sung mãn, thì phải đoạn trừ phiền não thân khẩu thô trọng. Chúng ta không tu “nhân” thì không được quả báo thù thắng như vậy. Nếu miệng thường tạo bốn loại khẩu nghiệp, thân tạo sát, đạo, dâm thì chắc chắn không được khinh an; “*thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn*”, “*bất diệc duyệt hồ*” chúng ta cũng không có phần. Tuy chúng ta thường nghe giáo huấn Thánh nhân, nhưng những cảnh giới ý nghĩa bên trong chúng ta không cách gì thể hội được. Việc này nhất định bản thân mình làm, khế nhập cảnh giới thì mới thâm thía được lời nói của người xưa là có vị đạo.

Khinh an lại là tiền phương tiện của định. Không đạt được khinh an chắc chắn không cách nào thành tựu định, vì định là cảnh giới cao hơn một bậc. Chúng ta được khinh an, pháp hỷ sau đó thì cảnh giới định mới hiện tiền. Vì thế trong đời sống thường ngày phải học hạnh Bồ Tát, phải tu Bồ Tát đạo. “Đạo” là giữ tâm, “hạnh” là hành vi trong cuộc sống thường ngày. Bất luận trong cảnh giới nào, thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh

người thật biết tu thì không bị trở ngại. Bất kể cảnh giới nào đều không ngại “**lý sự vô ngại, sự sự vô ngại**”. Thực lòng thực hành thì không sợ đạo nghiệp không thành. Nếu như lấy một thời gian để quyết định thành tựu, người căn tánh lạnh lợi thì ba năm, năm năm được thành tựu; người căn tánh hơi chậm thì mười năm, hai mươi năm hoặc ba mươi năm chắc chắn sẽ thành tựu.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
Vâng làm các việc lành,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Đó là lời Phật dạy*

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!